

NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ DINH DƯỠNG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Kinh phí giai đoạn 2021-2025			Chia ra các năm								Kinh phí giai đoạn 2026-2030	
					Năm 2021-2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025			
		Tổng số	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP
	TỔNG	21,249	19,553	1,696	2,401	424	7,782	424	7,782	424	1,588	424	20,200	1,310
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Dự án 7)	16,025	16,025		1,519		6,900		6,900		706		16,000	
	Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em	16,025	16,025		1,519		6,900		6,900		706		16,000	
II	Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Dự án 3)	4,120	3,168	952	792	238	792	238	792	238	792	238	3,200	950
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	4,120	3,168	952	792	238	792	238	792	238	792	238	3,200	950
III	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025 (Dự án 1)	1,104	360	744	90	186	90	186	90	186	90	186	1,000	360
	Chương trình cải thiện dinh dưỡng trẻ em	1,104	360	744	90	186	90	186	90	186	90	186	1,000	360